

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03-4-2024
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Ngọc Thùy.

2/ Ông Bùi Hoàng Ân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Diệu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2000. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Tấn K, sinh năm 1998. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 15/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Tấn K thành hôn năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T ngày 01/7/2020. Vợ chồng sống chung khoảng 02 năm thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm nên đã cắt đứt quan hệ từ

tháng 09/2022 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tấn K. Về con chung, thời gian chị và anh K sống chung có 01 con chung tên Nguyễn Xuân T, sinh ngày 28/4/2020, hiện đang sống chung với anh K và gia đình anh K. Chị đồng ý để anh K tiếp tục nuôi con, chị không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ý kiến ngày 21/02/2024 bị đơn anh Nguyễn Tấn K trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị Nguyễn Thị H về thời gian thành hôn, con chung, tài sản chung. Về quan hệ hôn nhân, anh đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung anh đồng ý tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 28/4/2020, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 18/3/2024 ông Nguyễn Văn L (Cha ruột anh Nguyễn Tấn K) trình bày: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tấn K thành hôn năm 2019. Sau khi sinh bé Nguyễn Xuân T, vợ chồng anh K gửi cháu T cho vợ chồng ông chăm sóc, nuôi dưỡng. Thỉnh thoảng vợ chồng anh K có về thăm con nhưng không biết vợ chồng anh K xảy ra mâu thuẫn gì, từ khi cháu T tròn 01 tuổi đến nay chị H không về thăm con. Vợ chồng ông đã thay anh K chăm sóc nuôi dưỡng cháu T và cho cháu học hành đầy đủ. Chị H đồng ý để cháu T cho anh K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông thống nhất sẽ phụ anh K chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T đến trưởng thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh Nguyễn Tấn K vắng mặt có đơn yêu cầu vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tấn K.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 28/4/2020 cho anh Nguyễn Tấn K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh Nguyễn Tấn K vắng mặt có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tấn K thành hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T ngày 01/7/2020 nên xem đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tấn K có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã cắt đứt quan hệ từ năm 2022 đến nay, cả hai không quan tâm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tấn K có 01

con chung tên Nguyễn Xuân T, sinh ngày 28/4/2020 hiện đang sống chung với anh K, chị H yêu cầu để anh K tiếp tục nuôi con và anh K có ý kiến thống nhất tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu T. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh K. Giao cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 28/4/2020 cho anh K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Anh Nguyễn Tấn K là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tấn K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tấn K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 28/4/2020 cho anh Nguyễn Tấn K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0010864 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, chị H đã nộp đủ.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (GCNKH số 54 ngày 01/7/2020);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga